

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 55 /2007/QĐ-UBND

Đà Lạt, ngày 18 tháng 12 năm 2007

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định giá các loại đất năm 2008  
trên địa bàn huyện Đạ Te'h - tỉnh Lâm Đồng**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ Về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/2007/NQ-HĐND ngày 05/12/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VII - Kỳ họp thứ 10 về khung giá tối đa, tối thiểu và mức giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (áp dụng từ ngày 01/01/2008).

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2221/TTr-STC-GCS ngày 14 tháng 12 năm 2007,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1.**

1. Ban hành kèm theo Quyết định này bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Đạ Te'h, đề:

1.1. Tính thuế đối với việc sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

1.2. Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Luật Đất đai năm 2003;

1.3. Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật Đất đai năm 2003;

1.4. Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp Nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hóa, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2003;

1.5. Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật;

1.6. Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003;

1.7. Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thì mức giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất không được thấp hơn mức giá quy định tại Quyết định này.

3. Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp người có quyền sử dụng đất thỏa thuận về giá đất khi thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê lại quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân huyện Đa Tịch có trách nhiệm xây dựng phương án điều chỉnh giá các loại đất trên địa bàn huyện Đa Tịch gửi Sở Tài chính (chủ trì), Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và Cục Thuế thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong các trường hợp sau:

1. Khi cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thay đổi mục đích sử dụng đất, loại đô thị, loại đường phố và vị trí đất làm cho giá đất tại đó biến động.

2. Khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, Nhà nước thu hồi đất và trường hợp doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa lựa chọn hình thức giao đất mà giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm giao đất, thời điểm có quyết định thu hồi đất, thời điểm tính giá đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường.

### **Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2008 và thay thế Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 18/12/2006 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn huyện Đa Tịch - tỉnh Lâm Đồng.

2. Các trường hợp trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì hành, nếu chưa được giải quyết thì thực hiện theo Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Đa T'g; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /-g

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH và Báo Lâm Đồng;
- Như Điều 4;
- LĐ và CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Trung tâm tin học;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Đức Hòa**

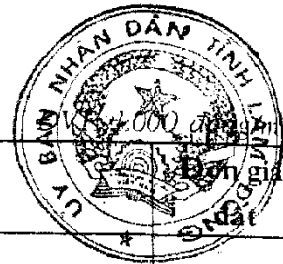
- Nếu bạn muốn gửi tài liệu in đi xa  
- Hay bạn có tài liệu muốn chia sẻ với mọi người  
- Không cần scan, chỉ cần Fax vào số (04) 275.45.11  
Tài liệu sẽ được số hoá thành file (như file này) ngày sau khi  
bạn Fax tài liệu xong và chúng tôi sẽ gửi lại file tài liệu cho  
bạn.

# **BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2008**

## **TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẠ TÊH**

(Kèm theo Quyết định số 55 /2007/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

### **A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:**



Đ	T	Đường, khu vực hoặc địa danh	
I		<b>Đường tỉnh lộ 721:</b>	
1		- Từ cầu Đạ Tẻh đến đường vào Bến Xe	816
2		- Từ đường vào Bến Xe đến ngã tư Chợ	1.020
3		- Từ ngã tư Chợ đến hết tiệm Phôtô Hùng	1.440
4		- Từ giáp tiệm Phôtô Hùng đến ngã tư XN Xây Dựng	1.080
5		- Từ ngã tư Xi nghiệp Xây Dựng đến hết nhà thờ	840
6		- Từ giáp Nhà thờ đến hết trang trại ông Tấn	660
7		- Từ trang trại ông tấn đến cầu Đạ Mí	432
II		<b>Đường tỉnh lộ 725:</b>	
1		- Từ ngã tư Chợ đến ngã tư Ngân Hàng	1.440
2		- Từ ngã tư Ngân Hàng đến đường vào Khu phố 1B + 5B (nhà ông K`On và nhà ông Minh Tập)	1.020
3		- Từ ngã tư vào Khu phố 1B + 5B (nhà ông K`On và nhà ông Minh Tập) đến ngã ba giáp đường 26/3	816
4		- Từ ngã ba giáp đường 26/3 đến đoạn hết vỉa hè đường nội thị	708
5		- Từ hết vỉa hè đường nội thị đến hết trụ sở Đội Quản lý Đô thị	612
6		- Từ Đội Quản lý Đô thị đến cầu suối Đạ Bơ	408
7		- Từ suối Đạ Bơ đến giáp ranh xã Hà Đông	204
III		<b>Đường nội thị:</b>	
1		- Đường quanh Chợ từ giáp Tỉnh lộ 721 đến Tỉnh lộ 725	1.320
2		- Từ ngã tư Ngân hàng đến giáp Tỉnh Lộ 721	1.020
3		- Từ ngã tư Ngân Hàng đến hết trụ sở Công an huyện	660
4		- Từ Công an huyện đến kênh N 6-8	480
5		- Đường Nguyễn Đình Chiểu ( từ cây xăng đến ngã 3 hội trường KP5)	660
6		- Từ ngã ba (hội trường KP5) đến hết đường Nguyễn Đình Chiểu	540
7		- Đường 26/3 từ giáp tỉnh lộ 725 đến kênh N6-8	360
8		- Từ kênh N6-8 đến hết đường 26/3	82
9		- Từ đường 3/2 đến hết đất bà Miên ( sau Viện Kiểm sát huyện)	252
0		- Từ đường 3/2 đến giáp đường 26/3 (nhà ông Đỗ Xuân Thu)	252
1		- Từ đường 3/2 (giáp Công an Huyện) đến đường 26/3	204
2		- Từ Tỉnh lộ 721 dọc theo kênh N6-8 đến đường 26/3	156

Số TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
13	- Từ Tỉnh lộ 721 (Giáp nhà ông Xuân Ân) đến tiếp giáp đường rẽ sang Tổ dân phố 5B	408
14	- Từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến giáp Tỉnh lộ 725 (nhà ông Minh Tập) và từ Tỉnh lộ 725 dọc đường khu phố 1B+1C	252
15	- Đường vòng quanh khu Thương Mại ( Bến xe mới)	504
16	- Đường vào Bến xe cũ	300
17	- Từ Tỉnh lộ 721 (giáp nhà Bác sĩ Quang) đến đường Nguyễn Đình Chiểu và từ nhà ông (Phan Đình Anh) đến giáp đường vào Bến Xe.	252
18	- Từ đường 3/2 (nhà ông Nguyễn Hữu Thành) đến giáp Tỉnh lộ 721	300
19	- Từ đoạn tiếp giáp với đường quanh chợ chạy vòng sau trường THCS Nguyễn Văn Trỗi đến tiếp giáp Tỉnh lộ 721	252
20	- Đường vào Trung tâm Y tế huyện	612
21	- Từ giáp Tỉnh lộ 721 chạy dọc bên hông trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	252
22	- Từ ngã ba Hoài Nhơn đến mương NN 3A	156
23	- Từ mương NN 3A đến giáp ranh xã Quốc Oai	82
24	- Đường đi vào Khu phố 9	61
25	- Từ ngã tư XN Xây dựng đến cổng Trường tiểu học Quang Trung	504
26	- Từ cổng trường Quang Trung đến hết nhà ông Chu Quang Diện	252
27	- Từ ngã tư XN Xây dựng đến Trạm biến áp	660
28	- Từ nhà ông Chu Quang Diện vào đến ngã ba vào thôn 7	120
29	- Từ ngã ba vào thôn 7 đến hết thôn 7	61
30	- Đường vào đến Chùa Khánh Vân	252
31	- Đường giáp Hội trường TT Văn hoá đến giáp nhà ông Nguyễn Hữu Long	156
32	- Từ trường Mầm Non đến tiếp giáp đường thuộc khu phố 1A	252
33	- Từ công viên cây xanh đến tiếp giáp đường 30/4 (cạnh trường PTTH ) đến tiếp giáp đường 30/4, và đoạn từ nhà ông Đoàn Văn Tuấn đến tiếp giáp đường vào khu phố 2C	252
34	- Đường vào Tổ khu phố 2A	156
35	- Từ Tỉnh lộ 725 đến hết Trường tư thục Bình Minh	204
36	- Từ cầu Đa Mí đến cổng Bà Điều	60
37	- Đường vào thôn Tân Lập	48
38	- Đường vào lò gạch	156

### B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:

DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

Số TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
Xã Đa Kho:		

Số T	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
	<b>Khu vực 1</b>	
	<b>Vị trí 1:</b> Đất tiếp giáp Tỉnh lộ 721	
	- Từ dốc Ma Thiên Lãnh đến hết trường tiểu học Nguyễn Trãi	102
	- Từ giáp trường Nguyễn Trãi đến dốc bà Sứ	240
	- Từ dốc bà Sứ đến cầu Đa Tề	504
	<b>Vị trí 2:</b> Đất tiếp giáp đường Liên xã	
	- Từ ngã ba Triệu Hải đến giáp nhà ông Phạm Văn Long	84
	- Từ Nhà ông Long đến giáp ranh xã Triệu Hải	54
	<b>Khu vực 2:</b> Đất tiếp giáp đường Liên thôn	
	- Từ Tỉnh lộ 721 đến giáp hội trường Thôn 9	36
	- Từ hội trường thôn 9 đến Trường học Thôn 11	20
	<b>Khu vực 3:</b> Các vị trí còn lại	
	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	20
	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	16
	<b>I. Xã Đa Lây:</b>	
	<b>Khu vực 1:</b>	
	<b>Vị trí 1:</b> Đất tiếp giáp Tỉnh lộ 721	
	- Từ cầu Đa Lây đến ngã ba vào Trạm xá	120
	- Từ ngã ba Trạm xá đến ngã ba vào thôn Thuận Hà	156
	- Từ ngã ba thôn Thuận Hà đến hết Xưởng dừa Hoa Lâm	86
	- Từ hết xưởng dừa Hoa Lâm đến ranh giới huyện Cát Tiên	50
	<b>Khu vực 2:</b> Đất tiếp giáp đường Liên thôn	
	- Từ tỉnh lộ 721 vào hết trạm xá	36
	- Đường vào đến Nhà máy điều	60
	- Đường thôn Liêm phú vào đến 300 m	60
	- Đường thôn Liêm phú từ 300 m vào đến hết thôn	36
	- Đường thôn Phước lợi, Thuận Hà vào đến 300 m	25
	- Đường thôn Thuận Lộc vào đến 300 m	48
	- Đường thôn Thuận Lộc từ 300 m vào đến hết thôn	30
	<b>Khu vực 3:</b> Các vị trí còn lại :	
	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	16
	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	13
	<b>III. Xã Hương Lâm:</b>	
	<b>Khu vực 1:</b>	
	<b>Vị trí 1:</b> Đất tiếp giáp Tỉnh lộ 721	
	- Từ dốc Mạ Oi đến dốc Bà Gà	61

9

Số TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
2	- Từ dốc Bà Gà đến dốc Dạ Hương	50
3	- Từ dốc Dạ Hương đến cầu Dạ Lây	102
	<b>Khu vực 2:</b> Đất tiếp giáp đường Liên thôn	
1	- Đường vào đội 12 đến cầu Ông Vạn	41
2	- Từ cầu Ông Vạn đến ngã ba Hương Phong	50
3	- Từ ngã ba Hương Phong đến Khe Tre	30
4	- Đường thôn Hương Vân 2	61
	<b>Khu vực 3:</b> Các vị trí còn lại	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	16
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	13
<b>IV Xã An Nhơn :</b>		
	<b>Khu vực 1:</b>	
	<b>Vị trí 1:</b> Đất tiếp giáp Tỉnh lộ 721	
1	- Từ cầu Dạ Mí đến ngã ba vào B5	120
2	- Từ ngã ba vào B5 đến chân dốc Ma Oí	90
	<b>Khu vực 2:</b> Đất tiếp giáp đường Liên thôn	
1	- Từ ngã ba B5 vào đến cầu B5	30
2	- Từ cầu B5 đến núi Ép	20
3	- Từ ngã ba giáp Tỉnh lộ 721 vào Dạ Hàm	50
4	- Từ ngã ba Dạ Mí vào đến hết phân hiệu thôn 7 An Nhơn	48
5	- Từ phân hiệu thôn 7 An Nhơn vào hết buôn Tố Lan	36
6	- Từ ngã ba Dạ Mí đi Dạ Hàm	24
7	- Các đường còn lại từ tỉnh lộ 721 vào đến 300m	30
	<b>Khu vực 3:</b> Các vị trí còn lại :	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	16
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	13
<b>V. Xã Quảng Trị:</b>		
	<b>Khu vực 1:</b>	
	<b>+ Vị trí 2:</b> Đất tiếp giáp đường Liên xã	
1	- Từ cầu Quảng Trị đến hết hội trường thôn I	50
2	- Từ hội trường thôn I đến phân hiệu B trường TH Quảng Trị	41
3	- Từ Phân hiệu B trường TH Quảng Trị đến hết đất nhà bà Mận	36
4	- Từ nhà bà Mận đến công chào thôn 6	30
5	- Từ cầu Máng Triệu Hải đến hết nhà ông Nguyễn Văn Toàn	30

Số T	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
6	- Từ nhà ông Nguyễn Văn Toàn đến cầu Khe Cáu; từ nhà ông Nguyễn Văn Toàn đến hết nhà ông Lê Văn Nghiễn <b>Khu vực 2:</b> Đất tiếp giáp đường Hương thôn - Các đường Hương thôn vào đến 300 m <b>Khu vực 3:</b> Các vị trí còn lại	16
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	14
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	12
<b>VI. Xã Quốc Oai:</b>		
	<b>Khu vực 1:</b>	
	<b>Vị trí 2:</b> Đất tiếp giáp đường liên xã (Huyện lộ)	
1	- Từ cầu sắt đến kênh N6-3	48
2	- Từ kênh N6-3 đến hết nhà ông Nguyễn Bá Tiến	72
3	- Từ nhà ông Lâm Bình Nguyên đến cầu sắt Đạ Nha	36
4	- Từ cầu sắt đến hết Buôn Đạ Nha	20
	<b>Khu Vực 2 :</b> Đất tiếp giáp đường Hương thôn	
1	- Các đường Hương thôn từ giáp đường liên xã vào đến 300m	16
	<b>Khu vực 3:</b> Các vị trí còn lại	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	14
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	12
<b>VII. Xã Mỹ Đức:</b>		
	<b>Khu vực 1:</b>	
	<b>Vị trí 1:</b> Đất tiếp giáp tỉnh lộ 725	
1	- Từ ranh giới xã Hà Đông đến mương ĐN6	156
2	- Từ mương ĐN6 đến hết đất nhà ông Tạ Minh Tiến	102
3	- Từ nhà ông Đinh Quang Ngát đến hết nhà Bà Trần Thị Thắng	156
4	- Từ nhà ông Vũ Văn Bản đến cầu thôn 7 ( đường đất)	30
	<b>Khu vực 2:</b> Đất tiếp giáp đường Hương thôn	
1	- Từ ngã ba Mỹ Đức đến nhà bà Nguyễn Thị Hằng	60
2	- Từ nhà bà Nguyễn Thị Hằng đến chân đập Hồ Đạ Tẻh	41
3	- Từ hết trung tâm cụm xã đến nhà ông Đinh Văn Toàn	36
4	- Đường vành đai trung tâm cụm xã	54
	<b>Khu vực 3:</b> Các vị trí còn lại	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	14
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	12



S/TT	Đường, khu vực hoặc địa danh	Đơn giá đất
<b>VIII Xã Hà Đông:</b>		
	<b>Khu vực 1:</b>	
	<b>Vị trí 1:</b> Đất tiếp giáp tỉnh lộ 725	
	- Từ cầu Hà Đông đến hết nhà ông Nguyễn Văn Dũng	96
2	- Từ nhà ông Phan Ngọc Trí đến ranh giới xã Mỹ Đức	120
	<b>Khu vực 2:</b> Đất tiếp giáp đường hương thôn	
	- Các đường hương thôn từ giáp TL 725 vào đến 300m	24
1	- Từ giáp TL 725 vào đến hết trung tâm cụm xã	102
3	- Từ hết trung tâm cụm xã đến nhà bà Nguyễn Thị Sáu	36
	<b>Khu vực 3:</b> Các vị trí còn lại	
	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	16
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	13
<b>IX. Xã Triệu Hải:</b>		
	<b>Khu vực 1:</b>	
	<b>Vị trí 2:</b> Đất tiếp giáp đường liên xã	
	- Từ ranh giới xã Đạ Kho đến đường vào vào Thác ĐaKaLa	61
1	- Từ ngã ba đường rẽ vào Thác ĐaKaLa đến ranh giới xã ĐạPal	41
3	- Từ ngã tư UBND xã đến giáp xã Quảng Trị	41
	<b>Khu vực 2:</b> Đất tiếp giáp đường Hương thôn	
	- Các trục đường Hương thôn vào đến 300 m	20
	<b>Khu vực 3:</b> Các vị trí còn lại	
	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	16
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	13
<b>X. Xã Đạ Pal:</b>		
	<b>Khu vực 1:</b>	
	<b>Vị trí 2:</b> Đất tiếp giáp đường liên xã	
	- Từ ranh giới xã Triệu Hải đến suối Giao Hà	48
2	- Từ suối Giao Hà đến chân dốc Tôn K'Long	30
	<b>Khu vực 2:</b> Đất tiếp giáp đường Hương thôn	
	- Từ giáp đường liên xã đến thác Xuân Đài Đường vào thôn Xuân Phong	20
	<b>Khu vực 3:</b> Các vị trí còn lại	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	13
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	12



## 2. Đất trồng cây lâu năm:

DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

Số TT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực 1	8	6	4
2	Khu vực 2	6	5	3
3	Khu vực 3	4	3	2

- **Vị trí 1:** Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ khu vực sản xuất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi 500m.

- **Vị trí 2:** Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ khu vực sản xuất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi trên 500m đến 1.000m.

- **Vị trí 3:** Các vị trí còn lại.

## 3. Giá đất trong các trường hợp sau được quy định bằng 1,5 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn các xã;

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư;

## 4. Giá đất trong các trường hợp sau được quy định bằng 02 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn thị trấn.

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi thị trấn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

## E. ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT:

DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

VỊ TRÍ	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
ĐƠN GIÁ	8	6	4

- **Vị trí 1:** Là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường quốc lộ, tỉnh lộ.
- **Vị trí 2:** là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường liên huyện, liên xã.
- **Vị trí 3:** Là những vị trí còn lại.

#### **F. ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẶC DỤNG VÀ RỪNG CẢNH QUAN:**

1. **Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng:** tính bằng 90% giá đất rừng sản xuất cùng khu vực.

2. **Đất rừng cảnh quan:** tính bằng 110% giá của đất rừng sản xuất khu vực.

